TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số:**17**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2018
V/v "Yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Minh
2. Ông Ngô Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc: "không công nhận là vợ chồng và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hõa phiên tòa số 10/2018/QĐ – HPT, ngày 12/6/2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bìn Thuận.
Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1970
Địa chỉ: khu phố X, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Lê Thị T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1989, do không am hiểu pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình cũng không tổ chức lễ cưới hỏi cho ông bà. Cuộc sống vợ chồng ông bà hạnh phúc cho đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T đam mê cờ bạc, nợ nần chồng chất. Ông đã nhiều lần vay mượn tiền để trả nợ cho bà T, ông cũng đã nhiều lần khuyên can bà T từ bỏ cờ bạc nhưng bà T tính nào tật nấy không chịu từ bỏ. Cuối năm 2015 ông bà sống ly than từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm giữa ông và bà T đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung: ông và bà Lê Thị T có 02 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, hiện nay đều đã thành niên.

Về tài sản và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị T có nơi cư trú tại khu phố X, thị trấn L, huyện T, tỉnh T. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Hữu T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định địa chỉ của bà đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 172; khoản 3, khoản 5 điều 177 và điều 179 Bộ luật tố

tụng dân sự cho bà Lê Thị T, do bà T vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm chung sống với nhau như vợ chồng, ông T và bà Lê Thị T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn hợp pháp nhưng đến nay ông, bà vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ông T, bà T không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn trong cuộc sống giữa ông T và bà T đã thật sự trầm trọng nhưng HĐXX không thể cho ông, bà ly hôn như yêu cầu mà cần phải áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, hiện nay đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 điều 172; khoản 3, khoản 5 điều 177; Điều 179 ;điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị T là quan hệ vợ chồng.

3/ Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Hữu K, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, hiện nay đều đã thành niên.

4/ Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Ông T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0019073 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông T đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn Liên Hương;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Quốc Trí